

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; theo đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 4141/STC-NS ngày 27/11/2024, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, như sau:

1. Về thu ngân sách nhà nước (chi tiết tại Biểu số 59/CK-NSNN, Biểu số 60/CK-NSNN):

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024 ước đạt 29.503 tỷ đồng, bằng 115,5% dự toán HĐND tỉnh giao; bằng 96,2% so với thực hiện năm 2023. Trong đó:

a) *Thu nội địa:*

Thu nội địa cả năm ước đạt 17.640 tỷ đồng, bằng 100% dự toán HĐND tỉnh giao; bằng 84,4% so với thực hiện năm 2023. Trong đó:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương ước đạt 10.474 tỷ đồng, bằng 123,6% dự toán giao, bằng 80,5% so với năm 2023. Nguồn thu từ khu vực này tăng so với dự toán HĐND tỉnh giao là 2.001 tỷ đồng, chủ yếu tăng thu từ hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

- Thu từ Doanh nghiệp nhà nước địa phương: Ước cả năm thu 49 tỷ đồng; đạt 108,6% dự toán, bằng 94,2% so với cùng kỳ năm 2023.

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 810 tỷ đồng, bằng 109% dự toán, bằng 98,2% so với cùng kỳ. Vượt dự toán giao chủ yếu do một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nộp đột biến thuế TNDN, tuy nhiên giảm so với cùng kỳ do giảm thu từ Công ty CP Doosan Vina.

- Thu từ khu vực công thương nghiệp - dịch vụ ngoài quốc doanh ước đạt 3.746 tỷ đồng, bằng 98,2% dự toán giao, bằng 106,9% so với năm 2023.

- Thuế thu nhập cá nhân ước đạt 615 tỷ đồng, bằng 115% dự toán giao, bằng 114,7% so với năm 2023. Chủ yếu do một số Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nộp đột biến thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Thuế bảo vệ môi trường ước thu 485 tỷ đồng, bằng 107,8% dự toán và bằng 85,2% so với thực hiện năm 2023.

- Thu tiền sử dụng đất ước đạt 405 tỷ đồng, bằng 15,6% dự toán, bằng 39,2% so với năm 2023.

- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước: Ước thu cả năm 82,5 tỷ đồng, đạt 152,9% dự toán, bằng 76,3% so cùng kỳ. Vượt dự toán là do trong năm có một số doanh nghiệp nộp tiền thuê đất cho nhiều năm.

- Thu phí, lệ phí: Ước đạt 258,2 tỷ đồng, bằng 147,5% dự toán giao, bằng 140,4% so với cùng kỳ. Đạt cao dự toán và tăng mạnh so cùng kỳ do đột biến phí bảo vệ môi trường chủ yếu từ Công ty CP Thép Hòa Phát.

- Thu khác ngân sách ước thu 238,4 tỷ đồng, bằng 79,5% dự toán giao, bằng 70,5% so với năm 2023.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Ước thu cả năm đạt 135,7 tỷ đồng, đạt 138,5% dự toán giao, bằng 70,1% so cùng kỳ. Năm 2024 có phát sinh đột biến 18 tỷ đồng tiền cấp quyền sử dụng khu vực biển và 58,8 tỷ đồng tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản nộp tiền một lần chủ yếu phục vụ dự án cao tốc Quảng Ngãi - Hoài Nhơn.

b) *Thu hoạt động xuất nhập khẩu*: cả năm ước đạt 11.788 tỷ đồng, bằng 151,5% dự toán giao, bằng 122,4% so với năm 2023. Nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu chủ yếu thu từ Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất với số thu dự kiến khoảng 7.669 tỷ đồng và thu từ hàng hóa xuất nhập khẩu của Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn khoảng 2.922 tỷ đồng.

c) *Thu viện trợ, Thu huy động, đóng góp*: cả năm ước đạt 34 tỷ đồng, phát sinh ngoài dự toán giao.

d) *Thu vay vốn để bù đắp bội chi*: Năm 2024 ước đạt 40,896 tỷ đồng từ nguồn vay lại của Chính phủ, bằng 31,3% dự toán giao.

2. Về chi ngân sách địa phương (chi tiết tại Biểu số 59/CK-NSNN, Biểu số 61/CK-NSNN)

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2024 ước đạt 17.705 tỷ đồng, bằng 95,2% dự toán HĐND tỉnh giao; bằng 101,9% so với thực hiện năm 2023. Trong đó:

a) Chi cân đối ngân sách địa phương ước đạt 15.817 tỷ đồng, bằng 96,6% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 107,5% so với năm 2023; trong đó:

a1) Chi đầu tư phát triển ước đạt 3.869 tỷ đồng, bằng 75,9% so dự toán giao, bằng 77,2% so với năm 2023.

a2) Chi thường xuyên: ước đạt 11.941 tỷ đồng, bằng 114,7% so dự toán giao, bằng 123,2% so với năm 2023.

a3) Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính ước đạt 4,1 tỷ đồng, bằng 360,2% so với dự toán giao, bằng 46,5% so với năm 2023.

a4) Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay, ước đạt 3,1 tỷ đồng, bằng 100% so dự toán giao.

b) Chi các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu:

- Vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương là 2.224 tỷ đồng; trong đó: Vốn đầu tư thực hiện chương trình, dự án là 723 tỷ đồng, vốn sự nghiệp thực

hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ là 371 tỷ đồng, vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia là 1.130 tỷ đồng.

- Ước thực hiện đến hết năm 2024 là 1.888 tỷ đồng, bằng 84,9% dự toán giao và bằng 71% so với thực hiện năm 2023. Trong đó: Chương trình mục tiêu quốc gia là 897,565 tỷ đồng, đạt 79,4% (*vốn đầu tư đạt 100%, vốn sự nghiệp đạt 60,9%*); vốn đầu tư thực hiện chương trình, dự án là 619 tỷ đồng, đạt 85,6%; vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ là 371 tỷ đồng, đạt 100%.

3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi

a) Về thu:

Năm 2024, thu nội địa đạt dự toán HĐND tỉnh giao; nhiều khoản thu, sắc thuế đạt và vượt dự toán giao. Tuy nhiên, vẫn còn một số khoản thu đạt khá thấp so với dự toán giao như: Thu khác ngân sách, thu tiền sử dụng đất, thu tiền sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước; nguyên nhân chủ yếu là do thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh trầm lắng, các cơ sở nhà, đất công sản không có người tham gia đấu giá.

Việc thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước và thu tiền sử dụng đất không đảm bảo dự toán giao đã làm ảnh hưởng đến thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư từ các nguồn vốn này.

b) Về chi

Việc quản lý, kiểm soát và sử dụng chi ngân sách được thực hiện theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Quản lý chi thường xuyên vẫn còn một số trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh dự toán chi thường xuyên đối với một số đơn vị dự toán; nhiều cơ chế, chính sách, đề án, dự án được ban hành nhưng chưa đáp ứng đủ nguồn lực tài chính để thực hiện; Tỉnh phải đảm bảo tối thiểu 20% nhu cầu kinh phí tăng thêm của các chính sách do Trung ương ban hành, nhất là chính sách hỗ trợ ngư dân đánh bắt xa bờ theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng chính phủ nên nguồn lực địa phương rất khó khăn cho việc bố trí vốn đầu tư phát triển; Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất phải giảm tiến độ thực hiện dự án là 1.107,14 tỷ đồng (Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 27/9/2024) làm ảnh hưởng rất lớn đến công tác điều hành, giải ngân của tỉnh.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của tỉnh Quảng Ngãi./.

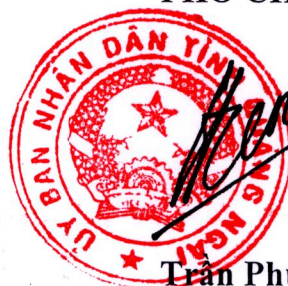
Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Cục Hải quan tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công TT-ĐT tỉnh;
- Lưu: VT, P.KTTH.Tien505.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

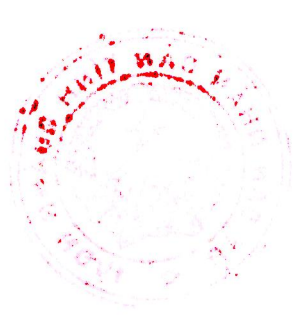
KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền

1917

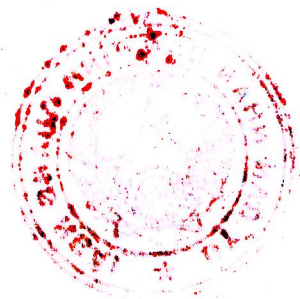




CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN NĂM	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	25.550.600	29.503.481	115,5	96,1
I	Thu cân đối NSNN	25.420.000	29.433.585	115,8	115,8
1	Thu nội địa	17.640.000	17.640.245	100,0	84,4
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	7.780.000	11.788.340	151,5	122,4
4	Thu viện trợ		5.000		14,2
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP	18.594.982	17.705.108	95,2	101,9
I	Chi cân đối NSDP	16.370.720	15.817.488	96,6	107,5
1	Chi đầu tư phát triển	5.095.015	3.869.548	75,9	77,2
2	Chi thường xuyên	10.414.028	11.940.734	114,7	123,2
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.100	3.100	100,0	218,9
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	4.106	360,2	46,5
5	Dự phòng ngân sách	406.003			
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	451.434			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.224.262	1.887.620	84,9	71,0
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	130.600	40.896	31,3	81,6
D	CHI TRẢ NỢ GỐC				

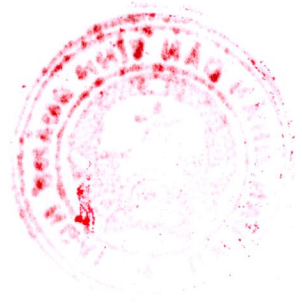




THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN NĂM	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	25.550.600	29.503.481	115,5	96,1
I	Thu nội địa	17.640.000	17.640.245	100,0	84,4
1	Thu từ khu vực DNNN	8.518.000	10.522.570	123,5	80,5
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	743.000	809.780	109,0	98,2
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.814.000	3.746.000	98,2	106,9
4	Thuế thu nhập cá nhân	535.000	615.330	115,0	114,7
5	Thuế bảo vệ môi trường	450.000	485.000	107,8	85,2
6	Lệ phí trước bạ	185.000	183.770	99,3	87,9
7	Thu phí, lệ phí	175.000	258.200	147,5	140,4
8	Các khoản thu về nhà, đất	2.696.000	506.475	18,8	40,6
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		5		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12.000	14.330	119,4	78,0
-	Thu tiền sử dụng đất	2.600.000	405.000	15,6	39,2
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	54.000	82.570	152,9	76,3
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	30.000	4.570		5,2
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	98.000	135.770	138,5	70,1
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	2.000	5.300	265,0	4,8
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	112.000	120.000	107,1	112,5
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	12.000	13.600	113,3	71,0
13	Thu khác ngân sách	300.000	238.450	79,5	70,5
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	7.780.000	11.788.340	151,5	122,4
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	7.455.000	11.086.803	148,7	119,8
2	Thuế xuất khẩu	150.000	171.320	114,2	194,0
3	Thuế nhập khẩu	150.000	451.871	301,2	195,8
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		5		166,7
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	24.000	75.505	314,6	134,0
6	Thu khác	1.000	2.836	283,6	64,7
IV	Thu viện trợ		5.000		14,2
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	16.240.120	16.073.029	99,0	84,1
1	Từ các khoản thu phân chia	12.711.570	14.587.264	114,8	86,9
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	3.528.550	1.485.765	42,1	63,9





THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN NĂM	SỐ SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	18.594.982	17.705.108	95,2	101,9
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	16.370.720	15.817.488	96,6	107,5
I	Chi đầu tư phát triển	5.095.015	3.869.548	75,9	77,2
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.941.015	3.793.998	76,8	76,4
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	154.000	75.550	49,1	167,9
II	Chi thường xuyên	10.414.028	11.940.734	114,7	123,2
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.049.321	4.571.327	112,9	128,4
2	Chi khoa học và công nghệ	30.170	30.557	101,3	183,3
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.007.129	1.062.633	105,5	105,9
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	137.671	140.725	102,2	97,8
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	42.201	44.877	106,3	110,5
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	48.215	48.688	101,0	131,1
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	204.935	224.935	109,8	122,6
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.896.181	2.356.635	124,3	156,5
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.798.107	1.953.773	108,7	100,6
10	Chi bảo đảm xã hội	790.750	895.620	113,3	115,7
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.100	3.100	100,0	218,9
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	4.106	360,2	46,5
V	Dự phòng ngân sách	406.003			
VI	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	451.434			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	2.224.262	1.887.620	84,9	71,0
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	1.129.903	897.565	79,4	107,7
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	723.570	619.266	85,6	35,2
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	370.789	370.789	100,0	581,1

